

Sinh hoạt lý luận

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC III



3(144)
2017

Chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế những thách thức và giải pháp

TS ĐÌNH TRUNG THÀNH* - ThS LỮ QUANG NGÔI** - ThS LÊ THỊ THANH HIẾU***

1. Hội nhập quốc tế về an sinh xã hội

An sinh xã hội (ASXH) được xác định là một bộ phận quan trọng của chính sách xã hội, nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bảo đảm ASXH là điều kiện để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường, phản ánh bản chất tốt đẹp của chế độ.

Hội nhập quốc tế về an sinh xã hội cụ thể là từng bước áp dụng các tiêu chí khu vực và quốc tế làm tiêu chí phấn đấu và thước đo đánh giá về an sinh xã hội; trước mắt chú trọng vào chuẩn nghèo, chương trình và phạm vi bao phủ của các chương trình bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, cung cấp dịch vụ xã hội.

Bên cạnh đó, xây dựng và hoàn thiện các chính sách về bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm hưu trí bổ sung), bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện trợ cấp xã hội cho người cao tuổi; nghiên cứu hướng tới ký kết và thực hiện các chương trình hợp tác về bảo hiểm xã hội với các nước; nghiên cứu hoàn thiện hệ thống luật pháp về an sinh xã hội.

Thực hiện giảm nghèo bền vững theo phương pháp tiếp cận đo lường nghèo đa chiều; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc; đảm bảo công bằng xã hội.

Chủ động xây dựng, thực hiện chính sách đảm bảo trợ giúp xã hội cho các nhóm đối tượng do tác động của hội nhập quốc tế, trong đó tập trung hỗ trợ người khuyết tật nặng, trẻ em, người cao tuổi cô đơn, không nơi nương tựa, đồng bào dân tộc thiểu số, nạn nhân buôn bán người; phát triển nghề công tác xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; ứng phó với việc biến đổi khí hậu, nước biển dâng tác động đến việc làm và thu nhập của người dân.

Thúc đẩy công bằng xã hội trong chính sách an sinh xã hội; thực hiện bình đẳng giới, ưu tiên thu hẹp khoảng cách giới, xóa dần định kiến và bất bình đẳng giới trong đời sống xã hội, nhất là trong việc làm, quan hệ gia đình ở vùng nông thôn, vùng nghèo, vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tăng cường bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; phòng ngừa và hỗ trợ trẻ em bị xâm hại, bị bạo lực, bị buôn bán, phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em; phát triển, hỗ trợ trẻ em tiếp cận hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em thuận lợi, công bằng và

*, ***Trường Đại học Vinh - ** Ủy ban nhân dân tỉnh Vinh Long

hiệu quả; phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ xã hội cho người dân tại cộng đồng.

2. Kết quả đạt được và những thách thức của việc đảm bảo an sinh xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Một số kết quả đạt được

Việc thực hiện các chính sách xã hội nhằm cải thiện, bảo vệ sức khỏe, cuộc sống của nhân dân luôn được Đảng ta quan tâm chăm lo, nhất là từ khi thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước đến nay.

Báo cáo *Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 30 năm đổi mới* (1986 - 2016) của Ban Chỉ đạo Tổng kết - Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: "Chú trọng giải quyết các vấn đề xã hội là một trong những tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Đảng ta qua 30 năm đổi mới và đã đạt được những thành tựu quan trọng về nhận thức lý luận. Đảng ta đã nhận thức ngày càng cụ thể và đầy đủ hơn tầm quan trọng, mục tiêu và nội dung của việc giải quyết các vấn đề xã hội, đặc biệt là an sinh xã hội"¹.

Về mặt thực tiễn, đối với chính sách ASXH, Báo cáo của Ban Chỉ đạo tổng kết 30 năm đổi mới của Trung ương Đảng nêu rõ: "Xây dựng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội toàn diện và đa dạng, ngày càng mở rộng và hiệu quả. Phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm, như BHXH, BHYT, BHTN, BHTN lao động và bệnh nghề nghiệp; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tiếp cận và tham gia các loại hình bảo hiểm; mở rộng các hình thức cứu trợ xã hội, nhất là đối với các đối tượng khó khăn². Hệ thống an sinh xã hội phát triển không ngừng...". Kết quả đạt được trên các mặt như sau:

- *Về giải quyết việc làm*: Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề mỗi năm đã tạo việc làm cho khoảng 320.000 người; nhiều người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người ở vùng bị chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp đã được vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm. Năm 2015, đã giải quyết việc làm cho 1.625.000 người (1.510.000 việc làm trong nước và trên 110.000 việc làm có thời hạn ở nước ngoài); tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động duy trì ở mức thấp 2,31% (tỷ lệ này ở khu vực thành thị là 3,29%; trong thanh niên là 6,85%)³.

- *Về giảm nghèo*: Tỷ lệ hộ nghèo của cả nước giảm còn dưới 5% đến cuối năm 2015. Tỷ lệ hộ nghèo ở các

huyện nghèo còn dưới 28% năm 2015⁴.

- *Về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp*: Đến cuối năm 2015, có 12.166.000 lao động (chiếm 24,1% lực lượng lao động) tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó bảo hiểm xã hội bắt buộc có 11.912.000 người và bảo hiểm xã hội tự nguyện có 254.000 người. Tổng số người được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội hằng tháng là 2.800.000 người. Có 10.185.000 người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, chiếm 20,2% lực lượng lao động. Quỹ bảo hiểm thất nghiệp đã chi 4.800 tỷ đồng cho hơn 600.000 người⁵.

- *Về trợ giúp xã hội cho người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn*: Năm 2015, Chi nhp h tr h n 31.000 tấn gạo cứu đói cho gần 2.100.000 lượt người ở 21 tỉnh, tập trung ở các tỉnh Nghệ An, Quảng Ngãi, Thanh Hóa, Bình Định, Quảng Bình. Đã trợ cấp tiền mặt hằng tháng và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trên 2.643.000 đối tượng (37.348 trẻ mồ côi, 88.594 người đơn thân nuôi con thuộc hộ nghèo, 1.480.000 người trên 80 tuổi, 896.644 người khuyết tật, 69.257 gia đình, cá nhân chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, 8.185 người có HIV thuộc hộ nghèo). Cả nước hiện có 408 cơ sở trợ giúp xã hội nuôi dưỡng, chăm sóc trên 41.400 đối tượng, trong đó số đối tượng bị khuyết tật, tâm thần chiếm tới 56,5%⁶.

- *Về bảo đảm giáo dục tối thiểu*: Đến năm 2015, tỷ lệ trẻ 5 tuổi học mầm non đạt 97,93%; trẻ dưới 4 tuổi học mầm non đạt 86,61%; đi học tiểu học đúng tuổi đạt 98,69%, đi học trung học cơ sở đúng tuổi đạt 90,89%; tỷ lệ học sinh đạt trình độ phổ thông trung học là 62%; tỷ lệ trẻ khuyết tật đi học đạt 60%; số sinh viên trên một vạn dân đạt 250 người; tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 tuổi trở lên đạt 99%. Hiện cả nước có 1.467 cơ sở dạy nghề (190 trường cao đẳng nghề; 280 trường trung cấp nghề; 997 trung tâm dạy nghề và hơn 1.000 cơ sở có dạy nghề); tuyển sinh gần 2.000.000 người; hỗ trợ khoảng 550.000 người học nghề. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 51%, trong đó qua đào tạo nghề đạt 38,5%⁷.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chỉ đạo tổng kết: *Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, Nxb CTQG, H, 2015, tr.105.

2. *Sđđ*, tr.78.

3. Nguyễn Trọng Đàm: *Bảo đảm quyền được an sinh xã hội cho người dân*, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 22 - 7 - 2016, 2016.

4, 5, 6, 7. *Ttđđ*.

- *Về bảo đảm y tế tối thiểu*: Đến năm 2015, có 98,4% số xã có trạm y tế xã hoạt động; 96% số thôn, bản có nhân viên y tế thôn, bản, có 80% số xã có bác sĩ, 50% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã; trên 95% số xã có y sĩ sản nhi hoặc nữ hộ sinh; bảo hiểm y tế đã chi trả chi phí để phụ nữ khi có thai được khám thai, sinh đẻ tại các cơ sở y tế⁸.

Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em cơ thể nhẹ cân còn khoảng 14,1%; cơ thể thấp còi còn 24,2%; tỷ lệ tử vong bà mẹ giảm xuống 58,3 trên 100.000 trẻ đẻ sống, giảm tử vong ở trẻ em dưới 1 tuổi xuống 14,7%. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 3 lần đạt trên 90%, tỷ lệ phụ nữ đẻ do cán bộ y tế qua đào tạo đỡ đạt 98%, tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tuần đầu sau sinh đạt 81%. Hiện có gần 70.000.000 người tham gia bảo hiểm y tế, chiếm 76% dân số, trong đó, số người thuộc hộ nghèo và dân tộc thiểu số là 11.796.000 người, số người thuộc hộ cận nghèo là 2.992.000 người⁹.

- *Về bảo đảm nhà ở*: Đến năm 2015, đã hỗ trợ 7.600 hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão lụt tại 7 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Với chương trình phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân khu công nghiệp, đã xây dựng 28.550 căn hộ và đang tiếp tục xây dựng 69.300 căn hộ. Với Chương trình nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị, đã xây dựng 25.850 căn hộ và tiếp tục xây dựng khoảng 61.290 căn hộ¹⁰.

- *Về bảo đảm nước sạch*: Đến hết năm 2015 đã xây dựng được hơn 1.000 công trình nước sạch tập trung, nâng tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh lên 86%, được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế lên 45%¹¹.

- *Về bảo đảm thông tin*: Đến năm 2015, tỷ lệ xã có điểm truy cập điện thoại công cộng đạt 97%; có đường truyền cáp quang đến xã đạt 96%; có đường truyền cáp đồng đạt 90%. Mạng lưới bưu chính được duy trì với khoảng 16.000 điểm giao dịch, trong đó có khoảng 7.640 điểm bưu điện văn hóa xã¹².

Chương trình tăng cường nội dung thông tin và truyền thông về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo đã phát sóng 4.195 chương trình phát thanh, truyền hình; đặt hàng các nhà tổ chức sáng tác, xuất bản, in và phát hành 1.327.631 bản sách chuyên đề cung cấp và quảng bá đến các xã; tổ chức sáng tác, xuất bản và in, phát hành và quảng bá

1.378.933 ấn phẩm truyền thông phổ biến kiến thức về nông nghiệp, chăm sóc sức khỏe; thiết lập 7 cụm thông tin đối ngoại tại các khu vực cửa khẩu quốc tế; cấp miễn phí 24 loại ấn phẩm báo, tạp chí cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn với trên 40 triệu ấn phẩm¹³.

Có thể khẳng định, những thành tựu về chính sách xã hội trong thời gian qua thể hiện sự nỗ lực vượt bậc của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Điều đó góp phần không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là những người có công, gia đình chính sách. Đồng thời, phản ánh truyền thống nhân văn của dân tộc và bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa luôn lấy con người làm trung tâm, vì sự phát triển tự do và toàn diện của con người, phù hợp với điều kiện của đất nước ta trong thời kỳ đầu quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Những thành tựu đó là tiền đề rất quan trọng để tạo sự đồng thuận trong xã hội, đưa nước ta ngày càng phát triển, tiến nhanh, tiến vững chắc trên con đường chủ nghĩa xã hội; khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Những thách thức của việc đảm bảo an sinh xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trong xu thế toàn cầu hóa đặt ra những thách thức lớn đối với nước ta trong việc thực hiện chủ trương tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm ASXH, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu, song vẫn còn những hạn chế, những thách thức trong việc thực hiện các chính sách xã hội. Hệ thống chính sách an sinh xã hội hiện hành còn phân tán, manh mún, thiếu sự gắn kết, chưa khuyến khích người dân tích cực tham gia... Hiệu quả chính sách còn hạn chế.

Các chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn chưa gắn với nhu cầu thị trường lao động và nhu cầu sản xuất; chất lượng lao động chưa cao, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ mới đạt gần 20% (năm 2014). Giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo cao; tỷ lệ nghèo ở nhiều vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa vẫn còn trên 50%, cá biệt có nơi còn trên 70%; chênh lệch giàu - nghèo về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội giữa các vùng, nhóm dân cư có xu hướng gia tăng.

8, 9, 10, 11, 12, 13. Nguyễn Trọng Đàm: *Bảo đảm quyền được an sinh xã hội cho người dân*, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 22 - 7 - 2016, 2016.

Tỷ lệ người hưởng trợ cấp tiền mặt hàng tháng khoảng 3% dân số, nhưng đời sống của họ còn khó khăn do mức trợ cấp thấp; công tác trợ giúp đột xuất có phạm vi hẹp, huy động nguồn lực xã hội khó khăn, điều phối còn bất cập. Chênh lệch về thụ hưởng giáo dục giữa các vùng, miền, giữa các nhóm dân tộc có xu hướng gia tăng...

Kinh nghiệm của các nước cho thấy, trong nền kinh tế thị trường, hầu hết các dịch vụ xã hội đòi hỏi người sử dụng phải chi trả trực tiếp vượt quá khả năng của người dân. Một mô hình ASXH của Việt Nam chưa được định hình trên thực tế vốn có trước những biến đổi kinh tế - xã hội. Sự biến đổi nhanh về kinh tế - xã hội ở Việt Nam đang đặt ra những thách thức mới về ASXH. Nhiều giải pháp chính sách phù hợp được ban hành chưa thực sự trúng đối tượng, hiệu quả xã hội thấp. Trong khi đó, các hoạt động kinh tế ở nhiều địa phương chưa hướng vào mục tiêu ASXH, hoạt động quyên góp diễn ra tự phát dưới hình thức phong trào thay vì trách nhiệm xã hội của công đồng, của doanh nghiệp. Công tác này cũng chưa hướng vào việc xây dựng năng lực và trao quyền để nâng cao khả năng tự bảo đảm ASXH của các tầng lớp dân cư để cùng nhau vượt khó, vươn lên hỗ trợ nhau trong hoạn nạn. Hoạt động tuyên truyền và nâng cao nhận thức xã hội của cán bộ, chính quyền cơ sở, của người dân về ASXH còn yếu và nhiều bất cập.

Bảo hiểm xã hội, một trụ cột chính của hệ thống ASXH, tuy gần đây được mở rộng về đối tượng tham gia song mức độ che phủ còn quá nhỏ trong toàn xã hội. Các loại hình bảo hiểm xã hội còn hạn chế, chưa đa dạng hóa, thủ tục thanh toán còn nhiều trở ngại, và quy định tham gia chưa đủ hấp dẫn người dân nông thôn và mức bảo hiểm chưa góp phần giảm thiểu và bù đắp các thiệt hại khi xảy ra rủi ro. Mức trợ cấp xã hội còn thấp, đời sống đối tượng bảo trợ xã hội còn rất khó khăn.

Đa số lao động phi chính thức chưa tham gia BHXH tự nguyện và bảo hiểm thất nghiệp. Đến hết năm 2014, cả nước mới có gần 4,415 triệu người từ 55 tuổi trở lên hưởng an sinh tuổi già (gồm 2,2 triệu người hưởng chế độ hưu trí, 1,6 triệu người già trên 80 tuổi và 670.000 người cao tuổi thuộc hộ nghèo được hưởng trợ cấp tuổi già), chiếm 32,74% dân số trên độ tuổi lao động.

Tỷ lệ bao phủ về bảo hiểm y tế ở nước ta còn thấp, mức độ sử dụng bảo hiểm trong khám chữa bệnh không

cao do những hạn chế trong chất lượng dịch vụ. Người dân chưa mặn mà với bảo hiểm y tế do chất lượng khám chữa bệnh bảo hiểm còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu của đối tượng tham gia. Khi đau ốm, người bệnh phải đi lại, chờ đợi, ném trái tiêu cực, phiền hà hoặc chữa nhưng không khỏi bệnh do chất lượng thấp của các loại thuốc trong danh mục được bảo hiểm. Chất lượng y tế cơ sở yếu kém đã dẫn đến những khó khăn trong việc cứu chữa kịp thời. Gánh nặng bệnh tật và những khó khăn về tài chính ngày càng gia tăng đang là một thách thức lớn về an sinh xã hội hiện nay.

Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo cao; tỷ lệ nghèo các xã, thôn, bản vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa nhiều nơi vẫn còn trên 50%, cá biệt có nơi còn trên 60 - 70%; chênh lệch giàu - nghèo về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội giữa các vùng, nhóm dân cư có xu hướng gia tăng, nhất là giữa khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.

Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng vẫn còn chậm, lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao, năm 2015 là 44,3%; chất lượng lao động thấp, tỷ lệ lao động qua đào tạo chung 51,6%, trong đó qua đào tạo từ 3 tháng trở (có bằng cấp chứng chỉ) mới đạt khoảng 21,9%.

Chưa bao giờ ASXH và vấn đề ASXH lại được nhắc đi nhắc lại nhiều như hiện nay cả ở Việt Nam và thế giới, không chỉ trên các phương tiện truyền thông, mà còn cả trong các văn bản, trong các chính sách thực tiễn của các quốc gia.

Suy giảm kinh tế gây nhiều hệ quả nghiêm trọng đối với tầng lớp thanh niên, đặc biệt khi những người mới gia nhập vào thị trường lao động, càng làm gia tăng thêm nhóm những người thất nghiệp. Chính phủ các nước đang phải có những "gói cứu trợ" khẩn cấp để giải cứu nền kinh tế và phải chi một khoản tiền khổng lồ để trợ cấp thất nghiệp, giúp cho người lao động qua cơn nguy khốn về kinh tế.

Khi người lao động bị thất nghiệp, bị mất việc làm, chính phủ các nước phải có những giải pháp khác nhau để hỗ trợ, từ các quỹ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp và từ các quỹ xã hội khác trong hệ thống ASXH quốc gia.

Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 của nước ta, các nội dung ASXH đã được thể hiện khá rõ (theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp của khái niệm

Social Security). Tuy nhiên, nhận thức về vai trò của ASXH ở không ít cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên, tổ chức, doanh nghiệp và người dân chưa đúng và chưa đầy đủ, còn coi ASXH là trách nhiệm riêng của nhà nước, tư tưởng trông chờ vào nhà nước, vào trung ương còn nặng nề.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, luật pháp, thanh kiểm tra việc thực hiện ASXH chưa được quan tâm đúng mức.

Năng lực xây dựng chính sách ASXH còn hạn chế.

Do các chính sách được ban hành ở nhiều giai đoạn khác nhau, áp dụng cho nhiều nhóm đối tượng khác nhau nên thiếu tính hệ thống, gây khó khăn cho việc áp dụng chính sách, quản lý đối tượng.

Nguồn lực cho thực hiện chính sách xã hội từ ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, chưa huy động hết sự tham gia từ cộng đồng, chính sách khuyến khích người dân tự an sinh, người nghèo tự vươn lên thoát nghèo còn hạn chế.

GDP chúng ta vẫn tăng và tăng cao hơn trung bình của nhiều nước khác. Điều đó đúng, nhưng GDP chỉ phản ánh thực tế là quy mô nền kinh tế của chúng ta đã tăng lên, GDP không nói cho chúng ta biết, cái bánh to hơn đó được “phân chia” như thế nào. Ở đây, GINI, chỉ số đo bất bình đẳng thu nhập, cho chúng ta biết tốt hơn về việc “chia bánh”. Căn cứ vào số liệu điều tra mức sống hộ gia đình đã cho thấy, hệ số GINI (hệ số đo mức độ bất bình đẳng) không ngừng gia tăng qua các năm. Nếu năm 1994, hệ số GINI là 0,350 thì năm 2002 là 0,418 và đến năm 2012 đã tăng lên 0,424¹⁴. Qua các bằng chứng gián tiếp về hệ thống thuế thu nhập; về xu hướng tiêu dùng đang cho thấy rằng, bất bình đẳng xã hội tiếp tục gia tăng.

Hệ thống an sinh xã hội, các chính sách về giáo dục, y tế, với tư cách là công cụ chính sách giúp “tái phân phối” thu nhập, điều hòa bất bình đẳng, khó có thể nói là đạt được nhiều bước tiến trong 10 năm qua. Một yếu tố không thể bỏ qua nữa là chất lượng môi trường sống đi xuống, khiến nguy cơ bệnh tật tăng thêm, chi phí y tế lớn hơn. Người nghèo lại gánh chịu nhiều tổn thất hơn.

Một lần nữa, yếu tố thể chế, chất lượng xây dựng và thực thi chính sách, đã chưa tạo ra được một hệ thống phúc lợi tốt nhằm nâng cao chất lượng sống của người dân.

Tình trạng phân hóa giàu nghèo, phân hóa vùng

miền, bất bình đẳng có xu hướng tăng. Công tác tạo việc làm chưa bền vững, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn, vùng đô thị hóa và thất nghiệp thành thị có xu hướng tăng. Nguồn lực thực hiện ASXH còn hạn chế, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước với diện bao phủ và mức độ thấp, chưa theo kịp với sự phát triển của kinh tế thị trường định hướng XHCN.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi chính sách an sinh xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Việt Nam đã tích cực, chủ động trong đàm phán và ký kết các Hiệp định thương mại tự do mới với các đối tác. Tính đến tháng 4 - 2016, Việt Nam đã tham gia thiết lập 12 hiệp định thương mại tự do (FTA) với 56 quốc gia và nền kinh tế trên thế giới, trong đó có 2 FTA thế hệ mới là Hiệp định Việt Nam - EU và Hiệp định TPP.

Đây là các FTA thế hệ mới với diện cam kết rộng và mức cam kết sâu. Ngoài cam kết về tự do hóa thương mại hàng hóa và dịch vụ, các nước tham gia còn cam kết trên nhiều lĩnh vực khác như mua sắm chính phủ, lao động, môi trường, sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp nhà nước, đầu tư...

Đặc biệt, ngày 22 - 11 - 2015, các nhà lãnh đạo ASEAN đã ký Tuyên bố Kuala Lumpur chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN, trong đó có Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào ngày 31 - 12 - 2015. Việc tham gia ASEAN và thực hiện các cam kết nhằm xây dựng Cộng đồng ASEAN sẽ đóng góp phần tạo môi trường hòa bình, ổn định cải thiện môi trường luật pháp trong nước, tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, cũng như làm cơ sở, tiền đề giúp Việt Nam tham gia các khuôn khổ hợp tác song phương và đa phương khác.

Ngoài ra, hiện nay Việt Nam vẫn đang đàm phán một số Hiệp định bao gồm: (i) FTA Việt Nam - Khối EFTA (Thụy Sĩ, Na Uy, Ai-xơ-len và Lích-ten-xtanh); (ii) Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa ASEAN với 6 nước đối tác (RCEP); (iii) FTA ASEAN - Hồng Kông. Ngoài lợi ích kinh tế, các FTA với các đối tác này cũng góp phần làm phong phú thêm quan hệ thương mại và chính trị của Việt Nam với các nước.

Đảng ta ngày càng nhận thức sâu sắc rằng, thực hiện tốt chính sách ASXH trong điều kiện kinh tế thị

14. Tổng Cục Thống kê: *Kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình các năm 1994, 2002, 2012*.

trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế là đòi hỏi khách quan của sự nghiệp cách mạng nước ta, phù hợp với dòng chảy của giá trị chung nhân loại. Thực hiện tốt chính sách ASXH vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển bền vững, ổn định chính trị - xã hội. Để thực hiện tốt quan điểm nhất quán và xuyên suốt đó, hiện nay và trong thời gian sắp tới, cần tập trung vào những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể sau:

Đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bằng cách tạo nhiều cơ hội việc làm với thu nhập ngày càng tăng và ổn định; nâng cao thu nhập, hỗ trợ tiền mặt để bảo đảm thu nhập tối thiểu; tăng cường cải thiện điều kiện việc làm thông qua vay vốn tạo việc làm, thực hiện các chương trình dạy nghề, đào tạo lao động ở nông thôn.

Phát triển và mở rộng bảo hiểm xã hội, đặc biệt là bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm thất nghiệp và huy động sự tham gia rộng rãi của người lao động. Trong bối cảnh chịu nhiều tác động tiêu cực về kinh tế - xã hội hiện nay, đây là một trong những nhiệm vụ, mục tiêu quan trọng.

Trợ giúp kịp thời những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bảo đảm mức sống tối thiểu phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội.

Bảo đảm dịch vụ y tế và giáo dục ở mức tối thiểu. Cần hỗ trợ người dân có trình độ giáo dục tối thiểu, tăng cường chất lượng nguồn lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Thực hiện mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân. Đặc biệt, cải thiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân ở các tuyến cơ sở, ưu tiên các huyện nghèo, xã nghèo, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Bảo đảm nhà ở và nước sạch cho người dân với Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 cùng Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012 - 2015. Bảo đảm thông tin cho người dân bằng việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng thì việc tăng cường, thúc đẩy hợp tác quốc tế về ASXH là một tất yếu, mang lại nhiều kinh nghiệm quý và tranh thủ nguồn lực. Tuy nhiên, mấu chốt để giải quyết vấn đề một cách hiệu quả nhất đó là cần phải huy động được nguồn lực của toàn xã hội; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhận thức về tầm quan trọng của công tác ASXH; khẩn trương xây dựng và hoàn thiện cơ chế

chính sách, sửa đổi, hệ thống hoá các văn bản pháp luật hiện hành và đưa văn bản pháp luật vào cuộc sống; tăng cường kiểm tra giám sát các tổ chức cơ sở Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, các thiết chế tự quản của nhân dân đối với việc thực hiện pháp luật và các chương trình ASXH. Có như vậy chúng ta mới thực hiện được mục tiêu đảm bảo và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân trong giai đoạn chiến lược tới, tạo lòng tin, động lực để phát triển đất nước.

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã tính toán và trình Chính phủ, Quốc hội mục tiêu phấn đấu mỗi năm giảm từ 1,3% đến 1,5% chung đối với các hộ nghèo trong cả nước và 4% ở các huyện nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều. Cùng với đó, Bộ đề xuất lồng ghép, kết hợp với các chương trình: đào tạo nghề, khuyến nông, khuyến lâm và cả các chính sách, cơ chế để tạo mở thị trường, thúc đẩy phát triển sản xuất của người dân, tạo nguồn vốn hỗ trợ cho các hộ cận nghèo, hộ vừa thoát nghèo; rà soát, thay đổi một số chính sách không còn phù hợp; giảm dần các chính sách bao cấp, cho không; tăng cường các chính sách cho vay, các chính sách có điều kiện, có thu hồi để nâng cao trách nhiệm cho hộ nghèo.

Việc thực hiện tốt công tác ASXH là thước đo quan trọng của một xã hội tiến bộ, công bằng, văn minh. Để các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về an sinh xã hội đi vào cuộc sống, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của mọi đối tượng tầng lớp nhân dân, các bộ ngành liên quan cần thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm an sinh xã hội trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, H, 2001.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, H, 2006.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H, 2016.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chỉ đạo Tổng kết: *Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, Nxb CTQG, H, 2015.
6. Nguyễn Trọng Đàm: "*Bảo đảm quyền được an sinh xã hội cho người dân*", Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 22 - 7 - 2016, 2016.
7. Trang tin điện tử Bảo hiểm Xã hội Việt Nam: "*Năm 2016: những chính sách trong lĩnh vực BHXH, BHYT có hiệu lực*", 2017.